

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II
MÔN LỊCH SỬ - ĐỊA LÍ 6
THỜI GIAN: 60 PHÚT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

PHÂN MÔN LỊCH SỬ																		
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá											Tổng			Điểm; Tỷ lệ %	
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TCN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc	3			2			2				1		7	1	0	2,75 đ =27,5%
		Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển		1			1		1					0	2	1	0,75 đ =7,5%	

		biến về kinh tế, văn hoá trong thời kì Bắc thuộc																
		Các cuộc đấu tranh giành lại độc lập và bảo vệ bản sắc văn hoá của dân tộc			2			1	1					1	1	0	4	1,5 đ =15%
Số câu			3	1	2	2	0	2	3	1	0	0	1	1	8	3	5	16
			6			4			4			2			8	3	5	16
Số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5
Tỉ lệ %			15			10			10			15			20	15	15	50

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Điểm; Tỉ lệ %
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Khí hậu và biến đổi khí hậu	Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất	2				1		2		1				4	1	1	2,25 đ =22,5%
		Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu	1										1	1	1	1	1	1,75 đ =17,5%

	Nước trên Trái Đất	Thủy quyền. Vòng tuần nước. Ngầm, băng hà	2		1				1						3		1	1,0 đ =10,0%
Số câu			5	0	1	0	1	0	3	0	1	0	1	1	8	2	3	13
			6			1			4			2			8	2	3	13
Số điểm			1,5			1,0			1,0			1,5			2,0	1,5	1,5	5,0
Tỉ lệ %			15			10			10			15			20	15	15	50
Tổng số câu			12			5			8			4			16	5	8	29
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100,0

II. BẢNG ĐẶC TẢ

PHÂN MÔN LỊCH SỬ															
STT	Chủ đề/chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TCN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X	Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc và đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc	Nhận biết: -Biết được khoảng thời gian thành lập của nước Văn Lang, Âu Lạc -Biết được tổ chức nhà nước của Văn Lang, Âu Lạc Thông hiểu:	3			2							1	

[illegible]

1	Khí hậu và biến đổi khí hậu	Thời tiết và khí hậu. Các đới khí hậu trên Trái Đất	* Nhận biết: - Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa. * Thông hiểu: Trình bày được khái quát đặc điểm của một trong các đới khí hậu: ranh giới, nhiệt độ, lượng mưa, chế độ gió. * Vận dụng: Biết cách tính nhiệt độ trung bình ngày	1 1					1				1		
		Biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu	* Nhận biết- Thông hiểu: Nguyên nhân, biểu hiện của biến đổi khí hậu. * Vận dụng: Đề xuất các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.	1									1	1	
2	Nước trên Trái Đất	Thủy quyển. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà	* Nhận biết: Kể được tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển. * Vận dụng: Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.	1 1		1				1					
Số câu				5	0	1	0	1	0	3	0	1	0	1	1
				6			1			4			2		
Số điểm				1,5			1,0			1,0			1,5		
Tỉ lệ %				15			10			10			15		
Tổng số câu				12			5			8			4		
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

III. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II-NH: 2024-2025

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

A. PHÂN MÔN LỊCH SỬ (30 PHÚT)

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (Học sinh trả lời các câu hỏi 1 đến 6; mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 đáp án)

Câu 1. Nhà nước Văn Lang ra đời vào khoảng

- A. thế kỉ V TCN. B. thế kỉ VI TCN. C. thế kỉ VII TCN. D. thế kỉ VIII TCN.

Câu 2. Ai đứng đầu nhà nước Âu Lạc?

- A. Hùng Vương. B. An Dương Vương. C. Lang Liêu. D. Lạc Long Quân.

Câu 3. Đâu không phải là thức ăn của cư dân Văn Lang, Âu Lạc?

- A. Bánh chưng, bánh giầy. B. Cơm nếp, cơm tẻ.
C. Cua, cá, tôm, ốc D. Bún, phở.

Câu 4. Một trong những chuyển biến mới về kinh tế của nước ta thời Bắc thuộc là

- A. trồng lúa nước trở thành nghề chính. B. biết đắp đê phòng lũ lụt.
C. hoạt động trao đổi, buôn bán. D. xuất hiện kĩ thuật đúc đồng.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng yếu tố tích cực về kĩ thuật của Trung Hoa được truyền bá vào Việt Nam trong thời kì Bắc thuộc?

- A. Kĩ thuật làm giấy, dệt lụa.... B. nhuộm răng đen, xăm mình.
C. Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. D. làm bánh chưng, bánh giầy.

Câu 6. Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40 - 43) đã

- A. giành và giữ được chính quyền độc lập trong khoảng gần 10 năm.
B. mở ra thời kì độc lập, tự chủ lâu dài trong lịch sử dân tộc Việt Nam.
C. mở ra thời kì đấu tranh giành độc lập, tự chủ của người Việt.
D. làm rung chuyển chính quyền đô hộ của nhà Ngô.

Trắc nghiệm đúng – sai (Học sinh trả lời các câu hỏi 7 đến câu hỏi 10. Trong mỗi câu, thí sinh trả lời đúng hoặc sai)

Câu 7. Nhu cầu trị thủy, đối phó với lũ lụt, bảo vệ mùa màng đã thúc đẩy sự liên kết giữa các bộ lạc, từ đó đưa đến sự ra đời của nhà nước Văn Lang	
Câu 8. Thành Cổ Loa là trung tâm và là phòng tuyến bảo vệ của nhà nước Văn Lang.	
Câu 9. Chính quyền đô hộ phương Bắc sáp nhập nước ta thành các châu, quận của Trung Quốc nhằm âm mưu xóa bỏ quốc gia, dân tộc Việt, biến nước ta thành châu, quận của Trung Quốc.	
Câu 10. Tiếng nói có vai trò rất quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa dân tộc.	

Trắc nghiệm trả lời ngắn (Học sinh trả lời các câu hỏi 11 đến câu hỏi 14. Trong mỗi câu hỏi, thí sinh chỉ đưa ra câu trả lời ngắn)

Câu 11. Nhà nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

[illegible]

B. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (30 PHÚT)

Phần I: Trắc nghiệm (3,5 điểm)

Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6; mỗi câu hỏi chỉ chọn 1 phương án

Câu 1: Khi không khí đã bão hòa mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước thì

- A. hình thành độ ẩm tuyệt đối.
- B. tạo thành các đám mây.
- C. sẽ diễn ra hiện tượng mưa.
- D. diễn ra sự ngưng tụ

Câu 2: Nguồn cung cấp hơi nước chính cho khí quyển là

- A. sinh vật.
- B. biển và đại dương.
- C. sông ngòi.
- D. ao, hồ

Câu 3: Nguyên nhân biến đổi khí hậu là do tác động chủ yếu của

- A. các hoạt động của con người.
- B. các vụ nổ hạt nhân, thử vũ khí.
- C. các thiên tai trong tự nhiên.
- D. các thiên thạch rơi xuống

Câu 4: Mực nước ngầm phụ thuộc vào

- A. các hoạt động sản xuất của con người.
- B. nguồn cung cấp nước và lượng bốc hơi.
- C. độ cao địa hình, bề mặt các dạng địa hình.
- D. vị trí trên mặt đất và hướng của địa hình

Câu 5: Nước ngọt trên Trái Đất gồm có

- A. nước ngầm, nước biển, nước sông và băng.
- B. nước mặt, nước biển, nước ngầm và băng.
- C. nước ngầm, nước ao hồ, sông suối và băng.
- D. nước mặt, nước khác, nước ngầm và băng.

Câu 6: Con người đã khai thác, sử dụng nước ngầm trong sinh hoạt và đời sống dưới dạng nào sau đây?

- A. Làm ao.
- B. Xây hồ.
- C. Đào giếng.
- D. Làm đập.

Trắc nghiệm trả lời ngắn: Thí sinh trả lời từ câu 7 đến câu 10

Câu 7: Ngày 13/12/2020, người ta đo được nhiệt độ không khí lúc 1 giờ được 19°C , lúc 7 giờ được 24°C lúc 13 giờ được 32°C và lúc 19 giờ được 29°C . Vậy nhiệt độ trung bình của ngày hôm đó là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$?

Trả lời:

Câu 8: Không khí trên mặt đất nóng nhất là vào giờ nào trong ngày?

Trả lời:

Câu 9: Việt Nam nằm trong đới khí hậu gì?

Trả lời:

Câu 10: Ở miền ôn đới, nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là gì?

Trả lời:

Trắc nghiệm đúng sai: Thí sinh trả lời câu 11. Trong mỗi ý a), b), c), d), thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 11:

a) Để đo nhiệt độ không khí người ta dùng ẩm kế và đo 10 lần trong ngày.	
b) Gió Mậu dịch (Tín phong) thổi thường xuyên quanh năm ở đới nóng.	

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM, THANG ĐIỂM

PHẦN MÔN LỊCH SỬ							
Phần trắc nghiệm (3,5 đ)	Nội dung					Điểm	
	Phần I: Trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn					1,5	
	Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm						
	Câu	1	2	3	4		5
	Đáp án	C	B	D	B	A	C
	Phần II: Trắc nghiệm khách quan đúng – sai					1,0	
	Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm						
	Câu	7	8	9	10		
	Đáp án	đúng	sai	đúng	đúng		
	Phần III: Trắc nghiệm trả lời ngắn					1,0	
Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm							
Câu 11: Phong Châu (Việt Trì-Phú Thọ)							
Câu 12: Nghề nông trồng lúa nước							
Câu 13: Đồng hóa							
Câu 14: Vạn Xuân							
Phần tự luận (1,5 đ)	Nội dung				Điểm		
	Câu 1 (1,0 đ) Em hãy mô tả đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc				0,25 đ		
	- Có tục thờ cúng tổ tiên, các vị thần tự nhiên.				0,25 đ		
	- Chôn người chết trong thạp, bình, mộ thuyền, mộ cây				0,25 đ		
	- Họ có khiếu thẩm mỹ: nhuộm răng đen, xăm mình.				0,25 đ		
	- Những ngày lễ hội, họ tổ chức vui chơi, đua thuyền ca hát				0,25 đ		
->Đời sống tinh thần giản dị, chất phác, hòa hợp với tự nhiên				0,25 đ			

	Câu 2 (0,5 đ) Vì sao nhân dân ta lập đền thờ các vị anh hùng như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng...? Chứng tỏ nhân dân ta có truyền thống uống nước nhớ nguồn lâu đời, luôn tôn thờ, biết ơn những anh hùng dân tộc, những người đã có công với quê hương, đất nước.	0,5 đ												
PHÂN MÔN ĐỊA LÍ														
Phần trắc nghiệm (3,5 đ)	Trắc nghiệm nhiều lựa chọn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,5 điểm		1,5											
	<table><tr><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td></tr><tr><td>D</td><td>B</td><td>A</td><td>B</td><td>C</td><td>C</td></tr></table>	1		2	3	4	5	6	D	B	A	B	C	C
	1	2	3	4	5	6								
	D	B	A	B	C	C								
Trắc nghiệm trả lời ngắn: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm		1,0												
Câu 7: 26 ⁰ C Câu 8: 13h Câu 9: Nhiệt đới. Câu 10: Băng tuyết tan														
	Trắc nghiệm đúng sai: Mỗi đáp án đúng đạt 0,25 điểm= 1,0 điểm		1,0											
	a	b		c	d									
	S	Đ		Đ	Đ									
Phần tự luận (1,5 đ)	Câu 1 (0,5 đ) <i>Biểu hiện</i> - Sự nóng lên toàn cầu. - Mực nước biển dâng. - Gia tăng các hiện tượng khí tượng cực đoan (băng tan, bão, lũ lụt,...).		0,25 0,25											
	Câu 2 (1,0 đ) <i>Giải pháp</i> - Sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng. - Sử dụng phương tiện giao thông công cộng. - Hạn chế dùng túi ni-lông, đồ nhựa. - Tích cực trồng cây xanh, bảo vệ rừng,...		1,0											

